

Thời gian làm bài: 60 phút

Câu 1. Con người đã phát hiện và dùng kim loại để chế tạo công cụ vào khoảng thời gian nào?

- A. Thiên niên kỉ II TCN.
- B. Thiên niên kỉ III TCN.
- C. Thiên niên kỉ IV TCN.
- D. Thiên niên kỉ V TCN.

Câu 2. Kim loại đầu tiên mà người Tây Á và Ai Cập phát hiện ra:

- A. Đồng thau.
- B. Đồng đỏ.
- C. Sắt.
- D. Nhôm.

Câu 3. Loại chữ viết đầu tiên của loài người là:

- A. Chữ tượng hình.
- B. Chữ tượng ý.
- C. Chữ giáp cốt.
- D. Chữ triện.

Câu 4. Điều kiện tự nhiên nào dưới đây không phải là cơ sở hình thành các quốc gia ở Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại?

- A. Có nhiều con sông lớn.
- B. Đất phù sa màu mỡ, tưới xấp, dễ canh tác với nhiều đồng bằng rộng lớn.
- C. Lượng mưa phân bố đều đặn theo mùa.
- D. Vùng ven biển có nhiều vũng, vịnh sâu, kín gió.

Câu 5. Ai Cập cổ đại được hình thành ở lưu vực:

- A. Sông Nin.
- B. Sông Hằng.
- C. Sông Ấn.
- D. Sông Dương Tử.

Câu 6. Đứng đầu giai cấp thống trị ở Ai Cập cổ đại là:

- A. Vua chuyên chế (Pha – ra – ông).
- B. Đông đảo quý tộc quan lại.
- C. Chủ ruộng đất.
- D. Tầng lớp tăng lữ.

Câu 7. Tại sao nhà nước Ai Cập cổ đại sớm hình thành và phát triển ở lưu vực sông Nin?

- A. Do có điều kiện thuận lợi cho con người sinh sống và sản xuất.
- B. Cư dân ở đây sớm phát minh ra công cụ bằng kim loại.
- C. Đây vốn là địa bàn cư trú của người nguyên thủy.
- D. Do có điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động buôn bán.

Câu 8. Ở Ai Cập cổ đại, cư dân sinh sống tập trung theo từng:

- A. Thị tộc.
- B. Bộ lạc.
- C. Công xã.
- D. Bầy người

Câu 9. Tên gọi Ấn Độ bắt nguồn từ:

- A. Tên một ngọn núi.
- B. Tên một con sông.
- C. Tên một tộc người.
- D. Tên một sử thi.

Câu 10. Ở Ấn Độ, những thành thị đầu tiên xuất hiện vào khoảng thời gian nào?

- A. 1000 năm TCN.
- B. 1500 năm TCN.
- C. 2000 năm TCN.
- D. 2500 năm TCN.

Câu 11. Những thành thị đầu tiên của người Ấn được xây dựng ở:

- A. Lưu vực sông Ấn.
- B. Lưu vực sông Hằng.
- C. Miền Đông Bắc Ấn.
- D. Miền Nam Ấn.

Câu 12. Văn hóa Ấn Độ được truyền bá và có ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu rộng nhất ở đâu?

- A. Trung Quốc.
- B. Các nước Ả Rập.
- C. Các nước Đông Nam Á.
- D. Việt Nam.

Câu 13. Chế độ phong kiến ở Trung Quốc được hình thành dưới triều đại nào?

- A. Nhà Thương.
- B. Nhà Chu.
- C. Nhà Tần.
- D. Nhà Hán.

Câu 14. Nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải nhận ruộng địa chủ để cày cấy, được gọi là:

- A. Nông dân tự canh.
- B. Nông dân lĩnh canh.
- C. Nông dân làm thuê.
- D. Nông nô.

Câu 15. Khi nhận ruộng, nông dân phải nộp một phần lợi cho địa chủ, gọi là:

- A. Thuế.
- B. Công phẩm.
- C. Tô lao dịch.
- D. Nộp tô

Câu 16. Ý nào không đúng và các thành phần xã hội dưới thời Tần?

- A. Địa chủ.
- B. Nông dân tự canh.
- C. Nông dân lĩnh canh.
- D. Lãnh chúa.

Câu 17. Công trình phòng ngự nổi tiếng được tiếp tục xây dựng dưới thời nhà Tần có tên gọi là:

- A. Vạn Lý Trường Thành.
- B. Ngọ Môn.
- C. Tử Cấm Thành.
- D. Lũy Trương Dục.

Câu 18. Với nhiều vũng, vịnh kín gió là điều kiện đặc biệt thuận lợi để cư dân Hy Lạp và La Mã cổ đại phát triển ngành kinh tế nào?

- A. Nông nghiệp trồng lúa.
- B. Thủ công nghiệp
- C. Nông nghiệp trồng cây lâu năm.
- D. Thương nghiệp đường biển.

Câu 19. Điểm khác về điều kiện tự nhiên của La Mã với Hy Lạp cổ đại là:

- A. Có nhiều vũng, vịnh kín gió.
- B. Có nguồn khoáng sản phong phú.
- C. Lãnh thổ trải rộng cả ba châu lục.
- D. Nền kinh tế đại điền trang phát triển.

Câu 20. Phần quan trọng nhất của mỗi thành bang ở Hy Lạp cổ đại là:

- A. Vùng đất trồng trọt.
- B. Nhà thờ.

C. Phô xá.

D. Bến cảng.

Câu 21. Trái Đất có dạng hình gì?

A. Hình tròn. B. Hình vuông. C. Hình cầu. D. Hình bầu dục.

Câu 22. Trái Đất có bán kính ở xích đạo là

A. 6387 km. B. 6356 km. C. 6378 km. D. 6365 km.

Câu 23: Hướng tự quay quanh trục của Trái Đất có đặc điểm là?

A. Thuận chiều kim đồng hồ theo hướng từ Đông sang Tây
B. Ngược chiều kim đồng hồ theo hướng từ Tây sang Đông
C. Thuận chiều kim đồng hồ theo hướng từ Tây sang Đông
D. Ngược chiều kim đồng hồ theo hướng từ Đông sang Tây

Câu 24. Trong khi Trái Đất tự quay quanh trục những địa điểm nào sau đây không thay đổi vị trí?

A. Hai cực. B. Hai chí tuyến. C. Xích đạo. D. Vòng cực.

Câu 25: Nửa cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời nhiều nhất vào ngày:

A. 22/6 (hạ chí) B. 22/12 (đông chí)
C. 21/3 (xuân phân) D. 23/9 (thu phân)

Câu 26. Cùng một lúc, trên Trái Đất có bao nhiêu giờ khác nhau?

A. 21 giờ. B. 23 giờ. C. 24 giờ. D. 22 giờ.

Câu 27: Lõi Trái Đất có độ dày:

A. Trên 3000km B. 1000 km
C. 1500 km D. 2000 km

Câu 28: Cho biết vành đai lửa lớn nhất trên Trái Đất hiện nay:

A. Vành đai Địa Trung Hải B. Vành đai Thái Bình Dương
C. Vành đai Ấn Độ Dương D. Vành đai Đại Tây Dương

Câu 29: Một quốc gia được biết đến là nơi thường xuyên xảy ra động đất, núi lửa là:

A. Việt Nam B. Trung Quốc
C. Nhật Bản D. Thái Lan

Câu 30: Quá trình nào sau đây không phải là quá trình ngoại lực?

A. Nâng cao địa hình B. Xâm thực.
C. Xói mòn D. Phong hoá.

Câu 31: Không khí luôn chuyển động từ nơi:

A. Khí áp cao về nơi khí áp thấp B. Biển vào đất liền
C. Đất liền ra biển D. Nơi áp thấp về áp cao

Câu 32: Nấm đá là dạng địa hình được hình thành do tác động của nhân tố ngoại lực nào?

A. Băng hà. B. Gió.
C. Nước chảy. D. Sóng biển.

Câu 33: Ngọn núi có độ cao tương đối là 1000m, người ta đo chỗ thấp nhất của chân núi đến mực nước biển trung bình là 150m. Vậy độ cao tuyệt đối của ngọn núi này là:

A. 1100m B. 1150m
C. 950m D. 1200m

Câu 34: Độ cao tuyệt đối của núi là khoảng cách đo theo chiều thẳng đứng, từ đỉnh núi đến:

- A. mực nước biển.
C. đáy đại dương.

- B. chân núi.
D. chỗ thấp nhất của chân núi.

Câu 35: Độ cao tương đối của núi là khoảng cách đo theo chiều thẳng đứng, từ đỉnh núi đến:

- A. nơi có sườn thoải.
C. đáy đại dương.

- B. mực nước biển.
D. chỗ thấp nhất của chân núi.

Câu 36: Bình nguyên thuận lợi cho việc:

- A. trồng cây lương thực và cây công nghiệp lâu năm.
B. trồng cây thực phẩm và chăn nuôi gia súc lớn.
C. trồng cây lương thực và thực phẩm.
D. trồng cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 37: Giờ quốc tế (giờ GMT) được tính theo giờ của múi giờ số mấy?

- A. Múi giờ số 0
C. Múi giờ số 5

- B. Múi giờ số 10
D. Múi giờ số 12

Câu 38: Bề mặt trái đất được chia ra làm:

- A. 12 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 15° kinh tuyến
B. 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 15° kinh tuyến
C. 12 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 30° kinh tuyến
D. 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 30° kinh tuyến

Câu 39: Đặc điểm nào sau đây không đúng với địa hình đồi?

- A. Là dạng địa hình nhô cao.
B. Có đỉnh tròn, sườn dốc.
C. Độ cao tương đối thường không quá 200m.
D. Thường tập trung thành vùng.

Câu 40: Dụng cụ đo nhiệt độ không khí là?

- A. Ẩm kế B. Nhiệt kế C. Khí áp kế D. Vũ kế

-----HẾT-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

ĐÁP ÁN

1. C	2. B	3. A	4. A	5. A	6. A	7. C	8. C	9. B	10. D
11. A	12. C	13. C	14. B	15. D	16. D	17. A	18. D	19. C	20. D
21. C	22. C	23. B	24. A	25. A	26. C	27. A	28. B	29. C	30. A
31. A	32. B	33. B	34. A	35. D	36. C	37. A	38. B	39. B	40. B